

Bản án số: **41/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-3-2026

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thân

Ông Lê Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2026/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 190/TB-TA ngày 23/02/2026; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 190.1/TB-TA ngày 03/03/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Phan Thanh V**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: D N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị Thu S**, sinh năm 1975 Địa chỉ: G H, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Phan Thanh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu S đăng ký kết hôn ngày 07/11/2003 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Sau khi kết hôn và chung sống một thời gian, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng. Hai bên không còn hòa hợp về tư tưởng, quan điểm sống và cách ứng xử trong gia đình, thường xuyên xảy ra tranh cãi, xung đột. Mặc dù

ông V đã nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn, hàn gắn tình cảm vợ chồng vì con cái, tuy nhiên mâu thuẫn không những không được cải thiện mà ngày càng trở nên trầm trọng. Ông V cho rằng, trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thu S thường xuyên có hành vi chửi bới, xúc phạm ông V bằng những lời lẽ thô tục, thiếu tôn trọng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống tinh thần, sinh hoạt gia đình cũng như sự phát triển tâm lý, lối sống và nhận thức của các con chung. Do mâu thuẫn kéo dài, hai bên đã sống ly thân liên tục khoảng 10 năm nay. Trong thời gian ly thân, bà S không những không chấm dứt hành vi gây ảnh hưởng mà còn thường xuyên gọi điện thoại chửi bới, làm phiền ông V, kể cả trong thời gian ông đang làm việc và điều khiển phương tiện giao thông, gây mất tập trung, tiềm ẩn nguy hiểm và tạo áp lực tinh thần nghiêm trọng, khiến cuộc sống của ông V và các con không thể ổn định.

Mặt khác, mặc dù bà S nhiều lần yêu cầu ông V làm đơn xin ly hôn để bà có thể kết hôn với người khác, nhưng khi ông V thực hiện thủ tục và đề nghị bà hợp tác ký xác nhận thì bà S lại không đồng ý, tiếp tục có hành vi gây khó khăn, chửi bới và xúc phạm ông V. Tình trạng này diễn ra kéo dài, lặp đi lặp lại nhiều lần, làm cho mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục. Do đó, ông Phan Thanh V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu S theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông Phan Thanh V xác định vợ chồng có 03 con chung tên Phan Nguyễn Hữu P, sinh năm: 2005; Phan Nguyễn Mỹ D, sinh năm: 2006; Phan Nguyễn Hữu Q, sinh ngày: 30/5/2008. Tại đơn khởi kiện ly hôn, ông V đề nghị Toà án giao con chung là Phan Nguyễn Hữu Q cho ông V tiếp tục được nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà S cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Phan Nguyễn Hữu Q có bản tự khai trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị Thu S, tại phiên tòa ông V cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo nguyện vọng của cháu Q, ông đồng ý giao con chung Phan Nguyễn Hữu Q cho bà S nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ tuổi trưởng thành, 18 tuổi. Hiện nay, 02 con chung là Phan Nguyễn Hữu P và Phan Nguyễn Mỹ D đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu toà giải quyết.

Về tài sản chung: Ông V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V xác định không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 22/01/2026 bà S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Phan Thanh V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng vào năm 2003 như ông V trình bày là đúng.

Bà S không đồng ý ly hôn với ông V tại thời điểm hiện tại. Bà cho rằng các con chung của hai bên đang trong độ tuổi ăn học, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, quá trình học tập và sự phát triển của các con. Trong thời gian chung sống và ly thân, các khoản nợ phát sinh liên quan đến ông Phan Thanh V chủ yếu do bà S cùng các con và người thân của bà gánh vác, đồng thời việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con và phụng dưỡng cha mẹ hai bên phần lớn do bà S đảm nhận. Bà S cho rằng ông Phan Thanh V không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ

nữ khác trong thời gian dài, không quan tâm, bỏ bê gia đình và con cái, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cả về vật chất và tinh thần. Vì các lý do trên, bà Nguyễn Thị Thu S không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xem xét bảo đảm quyền lợi, sự ổn định về tâm lý và điều kiện học tập của các con.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định vợ chồng có 03 con chung gồm: Phan Nguyễn Hữu P, sinh năm 2005; Phan Nguyễn Mỹ D, sinh năm 2006; và Phan Nguyễn Hữu Q, sinh ngày: 30/5/2008. Hiện nay, các con Phan Nguyễn Hữu P và Phan Nguyễn Mỹ D đã đủ 18 tuổi và đang là sinh viên nên không đặt ra việc giải quyết quyền nuôi dưỡng. Đối với con chung Phan Nguyễn Hữu Q, bà Nguyễn Thị Thu S đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu và điều kiện thực tế của các bên để xem xét, quyết định việc giao con cho ông Phan Thanh V hoặc bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự khi vắng mặt tại các phiên hoà giải và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ông Phan Thanh V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Phan Thanh V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu S.

- *Về con chung:* Giao con chung Phan Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 30/5/2008 cho bà Nguyễn Thị Thu S nuôi dưỡng, ông Phan Thanh V cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu quyền đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ ngày 01/5/2026 .

Đối với con chung Phan Nguyễn Hữu P, sinh năm: 2005; Phan Nguyễn Mỹ D, sinh năm: 2006 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo biên bản xác minh ngày 12/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng thì bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S có hộ khẩu thường trú tại Căn hộ A, số G H, phường T, thành phố Đà Nẵng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Khu vực 3 - Đà Nẵng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 227

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu S.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phan Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu S đăng ký kết hôn ngày 07/11/2003 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng) theo giấy chứng nhận kết hôn số 135, như vậy hôn nhân giữa ông V và bà S là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V cho rằng vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bà Nguyễn Thị Thu S thường xuyên có hành vi chửi bới, xúc phạm ông V bằng những lời lẽ thô tục, thiếu tôn trọng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống tinh thần, sinh hoạt gia đình cũng như sự phát triển tâm lý, lối sống và nhận thức của các con chung.

Ông V đã sống ly thân với bà S hơn 10 năm nay. Do vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà S. Bà S không đồng ý ly hôn vì cho rằng hiện nay các con đang độ tuổi học tập nên không muốn ly hôn, ông V cần có trách nhiệm với gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Thanh V, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông V và bà Nguyễn Thị Thu S được xác lập hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án thể hiện giữa các bên phát sinh mâu thuẫn kéo dài phù hợp theo Biên bản xác minh ngày 12/01/2026 của Tòa án, thể hiện ông V và bà S hiện đã sống ly thân nhiều năm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đối với ý kiến không đồng ý ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu S với lý do ảnh hưởng đến các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy hai con chung là Phan Nguyễn Hữu P, sinh năm 2005 và Phan Nguyễn Mỹ D, sinh năm 2006 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra việc giải quyết; đối với con chung Phan Nguyễn Hữu Q, sinh năm 2008, tại thời điểm xét xử cháu sắp đủ 18 tuổi nên việc giải quyết quyền nuôi con trong vụ án này không còn ý nghĩa thực tiễn, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các con chung.

Đối với tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà Nguyễn Thị Thu S cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có nợ chung cần xem xét. Việc giải quyết ly hôn không làm mất quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của các đương sự theo quy định pháp luật.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Phan Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Thanh V theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.- *Về con chung*: Ông Phan Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu S xác định vợ chồng có 03 con chung gồm: Phan Nguyễn Hữu P, sinh năm 2005, Phan Nguyễn Mỹ D sinh năm 2006 và Phan Nguyễn Hữu Q (sinh ngày: 30/5/ 2008). Hiện nay, các con Phan Nguyễn Hữu P và Phan Nguyễn Mỹ D đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với con chung Phan Nguyễn Hữu Q, tại bản tự khai ngày 23/01/2026, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy cháu đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; đồng thời, việc giao con cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù

hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Phan Nguyễn Hữu Q cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Phan Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/5/2026 cho đến khi cháu Phan Nguyễn Hữu Q đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của ông V, phù hợp quy định tại Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đề cập giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Phan Thanh V phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84, Điều 110 ;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của nguyên đơn ông Phan Thanh V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phan Thanh V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu S.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 30/5/2008 cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Phan Thanh V cấp dưỡng nuôi con Phan Nguyễn Hữu Q mỗi tháng **3.000.000** đồng (*Bằng chữ: Ba triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2026. Đối với con chung Phan Nguyễn Hữu P, sinh năm 2005; Phan Nguyễn Mỹ D, sinh năm 2006 đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập giải quyết.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu

thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Phan Thanh V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông đã nộp theo biên lai thu số 0002865 ngày 06 tháng 10 năm 2025 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Phan Thanh V phải chịu.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
 - VKSND Khu vực 3;
 - Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
 - UBND phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng (Nay là phường Thanh Khê).
- (*Giấy CNKH số 135/2003 ngày 07/11/2023*);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Kim Ánh

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
 - VKSND quận Thanh Khê;
 - Chi cục THADS quận Thanh Khê;
 - UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.
- (Giấy CNKH số 04/2014 ngày 06/01/2014);*
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Ánh